



ASC Requirements for the Certification of Producer Groups ASC Farm Standard

(ASC GROUP CERTIFICATION)



Contact Information:

Aquaculture Stewardship Council
Arthur van Schendelstraat 650
3511 MJ Utrecht, the Netherlands

+31 30 239 31 10

www.asc-aqua.org

Bản quyền



Yêu cầu Chứng nhận và Công nhận của [Hội đồng Quản lý Nuôi trồng thủy sản](#) được cấp phép theo [Creative Commons Attribution-NoDerivs 3.0 Unported Licence](#).

Nếu quyền truy cập nằm ngoài phạm vi của giấy phép, bạn có thể gửi yêu cầu truy cập đến địa chỉ email: www.asc-aqua.org

Địa chỉ bưu chính:

Aquaculture Stewardship Council
P.O. Box 19107 3501 DC Utrecht
The Netherlands

Địa chỉ văn phòng:

Aquaculture Stewardship Council
HNK Utrecht Centraal, Arthur van Schendelstraat 650 3511 MJ Utrecht
The Netherlands

Trách nhiệm đối với Những Yêu Cầu

Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản (ASC) chịu trách nhiệm về tài liệu này.

Phiên bản:

Phiên bản	Ngày	Mô tả
1.0	09/04/2019	Ngày ban hành
	09/10/2019	Ngày có hiệu lực – bắt đầu từ ngày này, có thể tiến hành đánh giá các nhóm vùng nuôi theo yêu cầu nêu trong tài liệu.

Giới thiệu về ASC

ASC là tên viết tắt của Hội đồng Quản lý Nuôi trồng Thủy sản (Aquaculture Stewardship Council) – là một tổ chức phi lợi nhuận và hoạt động độc lập. ASC được thành lập từ năm 2010 bởi [WWF](#) (Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên) và [IDH](#) (Tổ chức Sáng kiến Thương mại Bền vững), nhằm quản lý những tiêu chuẩn toàn cầu về nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm. Những tiêu chuẩn của ASC được xây dựng lần đầu tiên tại Đối thoại Nuôi trồng Thủy sản – chuỗi hội thảo bàn tròn do WWF khởi xướng và điều phối.

Hệ thống của ASC

ASC xây dựng chương trình chứng nhận và logo để công nhận và tôn vinh hoạt động nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm.

ASC là tổ chức toàn cầu, làm việc với các công ty nuôi trồng thủy sản, nhà máy chế biến thủy sản, nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản, doanh nghiệp bán lẻ và cung cấp dịch vụ thực phẩm, khoa học gia, tổ chức bảo tồn, tổ chức phi chính phủ xã hội và cộng đồng, nhằm thúc đẩy những hoạt động nuôi trồng thủy sản có hiệu quả nhất về mặt môi trường và xã hội.

Nhiệm vụ của ASC

Cùng với các đối tác, ASC thực hiện một chương trình chuyển đổi những thị trường nuôi trồng thủy sản trên toàn cầu, bằng cách thúc đẩy những hoạt động nuôi trồng thủy sản hiệu quả nhất về mặt môi trường và xã hội. ASC nỗ lực tăng thị phần của các sản phẩm nuôi trồng thủy sản đã được chứng nhận là sản phẩm bền vững và có trách nhiệm. Logo của ASC là sự khẳng định của bên thứ ba đối với sản phẩm nuôi trồng thủy sản, rằng sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất và chuỗi hành trình sản phẩm, giúp mọi người dễ dàng nhận diện sản phẩm đạt chứng nhận ASC trên thị trường.

Mục tiêu của ASC

ASC chuyển đổi hoạt động nuôi trồng thủy sản trên toàn cầu:

- Uy tín:** Các tiêu chuẩn được phát triển theo hướng dẫn của [Liên minh ISEAL](#) và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO), với những chỉ số hiệu suất dựa trên cơ sở khoa học, công khai và minh bạch của nhiều bên liên quan.
- Hiệu quả:** Giảm thiểu tác động của nuôi trồng thủy sản lên môi trường và xã hội, bằng cách giải quyết những ảnh hưởng lớn, trong khi vẫn tăng cường hiệu quả hoạt động của vùng nuôi.
- Giá trị gia tăng:** Kết nối vùng nuôi với thị trường tiêu thụ bằng cách thúc đẩy các hoạt động nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm thông qua biểu tượng của người tiêu dùng.

Giới thiệu tổng quan về hệ thống ASC

Hệ thống ASC gồm 3 thành phần:

1. Tiêu chuẩn ASC

ASC làm việc với các tổ chức chứng nhận độc lập, cung cấp dịch vụ chứng nhận cho các vùng nuôi thủy sản mà nuôi một hoặc nhiều loài khác nhau, hoặc nhà máy chế biến thủy hải sản, sản xuất những loại sản phẩm theo tiêu chuẩn đã được ASC phê duyệt.

Những loài thủy sản được lựa chọn để xây dựng tiêu chuẩn là do những tác động tiềm tàng của chúng lên môi trường và xã hội, giá trị thị trường, phạm vi thương mại hoặc tiềm năng thương mại trên thị trường toàn cầu. Những loài thủy sản đã có tiêu chuẩn tới thời điểm hiện tại, bao gồm: bào ngư; thân mềm hai mảnh vỏ (nghêu, sò, hến, điệp); cá hồi nước ngọt; cá tra; cá hồi; cá chêm, cá tráp, cá lù đù; họ cá cam và cá bớp; tôm; và cá rô phi. ASC còn hợp tác với MSC xây dựng Tiêu chuẩn Rong biển.

Thông qua Đối thoại Nuôi trồng Thủy sản, hơn 2,000 người đã tham gia xây dựng tiêu chuẩn ASC, bao gồm bà con nông dân, nhà máy chế biến, nhà bán lẻ, nhà cung cấp dịch vụ thực phẩm, tổ chức phi chính phủ, cơ quan nhà nước và viện nghiên cứu. Đối thoại Nuôi trồng Thủy sản – với tiêu chí công khai, minh bạch và mở rộng – được tổ chức nhằm tìm kiếm giải pháp giảm thiểu những tác động của nuôi trồng thủy sản lên môi trường và xã hội. Mỗi phiên Đối thoại Nuôi trồng Thủy sản sẽ đưa ra các yêu cầu dành cho một hoặc một nhóm loài thủy sản. Quá trình xây dựng tiêu chuẩn được tiến hành theo “Quy tắc thực hành tốt – Đảm bảo tuân thủ các Tiêu chuẩn về Xã hội và Môi trường” của Liên minh ISEAL và “Hướng dẫn Kỹ thuật về Chứng nhận Nuôi trồng thủy sản” của FAO. Các tiêu chuẩn của ASC có cơ sở khoa học vững chắc, được chia thành nhiều chỉ số đo lường hiệu suất, và được áp dụng cho nhiều mô hình nuôi thủy sản trên toàn cầu – bao gồm theo loại, khu vực và quy mô nuôi.

ASC sở hữu và quản lý tiêu chuẩn với tư cách một tổ chức xây dựng tiêu chuẩn độc lập. Từ rà soát và sửa đổi tiêu chuẩn hiện có, đến xây dựng tiêu chuẩn mới, ASC đều tuân thủ chặt chẽ các hướng dẫn nêu trên.

ASC đang xây dựng tiêu chuẩn dành cho thức ăn thủy sản, sẽ làm tài liệu bổ sung cho tiêu chuẩn về loài nuôi và hỗ trợ việc công nhận nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm.

2. Đánh giá Độc lập của Bên thứ 3 được thực hiện bởi những Tổ chức Đánh giá (CAB) được công nhận

Nếu có nhu cầu được cấp chứng nhận ASC, quý công ty có thể thuê CAB (Tổ chức Đánh giá). CAB được thuê phải là CAB đã được ASC công nhận, và chỉ có công ty được CAB này cấp chứng nhận thì mới được dán nhãn ASC lên sản phẩm và bán sản phẩm vào chuỗi hành trình sản phẩm đạt chứng nhận ASC.

Công nhận (Accreditation) là quá trình đánh giá CAB để đảm bảo CAB có đủ năng lực cấp chứng nhận ASC. Quá trình công nhận bao gồm các đánh giá hàng năm đối với từng CAB được công nhận và các cuộc đánh giá ASC mà họ thực hiện. ASC làm việc với một cơ quan công nhận được chỉ định độc quyền (AAB) để cung cấp các dịch vụ công nhận cho ASC.

AAB của ASC chịu trách nhiệm đánh giá CAB theo yêu cầu được liệt kê trong tài liệu này. AAB đưa ra quyết định công nhận độc lập và tuân thủ tiêu chuẩn ISO 17011. Tính độc lập của ASC, AAB và CAB nhằm bảo đảm tất cả khách hàng đều được đánh giá và cấp chứng nhận một cách khách quan, công tâm, hiệu quả, và không thiên vị cho bất kỳ ai.

3. Chứng nhận Chuỗi hành trình Sản phẩm (CoC) của MSC và logo ASC

Vùng nuôi, nhà máy chế biến và nhà phân phối đã được cấp chứng nhận và cấp phép có quyền sử dụng logo của ASC, để tất cả thành phần tham gia chuỗi giá trị – đặc biệt là người tiêu dùng – có thể dễ dàng phân biệt sản phẩm dán nhãn ASC với các sản phẩm khác trên thị trường. Logo của ASC chỉ được dán cho sản phẩm lưu thông trong chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) liên tục và được cấp chứng nhận; như vậy mới có thể truy xuất nguồn gốc của sản phẩm từ vùng nuôi cho tới nơi bán cuối cùng. Đối với ASC, CoC đạt chứng nhận là CoC áp dụng hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm của MSC. Chỉ những sản phẩm do những vùng nuôi đạt chứng nhận ASC sản xuất và lưu thông trong CoC đạt chứng nhận MSC, thì mới được dán nhãn ASC.

Những công ty đã được chứng nhận theo Tiêu chuẩn Chuỗi hành trình sản phẩm của MSC và cũng muốn mua bán các sản phẩm được chứng nhận ASC, có thể yêu cầu mở rộng phạm vi từ CAB của họ để thêm các sản phẩm ASC vào phạm vi chứng nhận CoC hiện có của họ.

Giống với tiêu chuẩn ASC, logo của ASC thuộc quyền sở hữu và quản lý toàn bộ của ASC.

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Những yêu cầu của Chứng nhận Nhóm ASC được xây dựng nhằm đem lại sự hiệu quả đối với nhóm những vùng nuôi quy mô nhỏ theo tiêu chuẩn ASC về nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm bảo đảm rằng, tất cả thành viên của nhóm đều phải tuân thủ tất cả yêu cầu có trong những Tiêu chuẩn ASC hiện hành.

Tài liệu này đưa ra những yêu cầu đối với chứng nhận tập thể theo tiêu chuẩn ASC bởi một nhóm gồm từ hai hoặc nhiều hơn hai vùng nuôi có quy mô nhỏ trở lên. Ban quản lý của nhóm sẽ có trách nhiệm và quyền hạn để thực hiện và duy trì việc tuân thủ các yêu cầu của ASC, bao gồm những yêu cầu đối với ban quản lý nhóm và tất cả thành viên trong nhóm.

Những yêu cầu chứng nhận Nhóm cung cấp một khung yêu cầu phổ quát cho hệ thống quản lý chung, bao gồm toàn bộ quá trình chứng nhận nhóm, từ đăng ký chứng nhận, đạt chứng nhận đến duy trì hiệu lực chứng nhận cho nhóm.

ASC cam kết rà soát và điều chỉnh tài liệu 5 năm một lần. Tuy nhiên, do phương pháp chứng nhận nhóm còn mới, nên ASC cũng rất cần lắng nghe chia sẻ của những bên đã thực hiện yêu cầu chứng nhận nhóm trong thực tế để kiểm tra lại phương pháp, do đó việc rà soát và điều chỉnh tài liệu có thể bắt đầu sớm hơn, thay vì chờ đủ 5 năm.

Tất cả những yêu cầu có liên quan đến Yêu cầu Chứng nhận và Công nhận Vùng nuôi ASC (CAR) cũng được áp dụng cho nhóm, trừ khi tài liệu này có yêu cầu khác.

Danh sách từ viết tắt

- ASC** – Aquaculture **S**tewardship **C**ouncil (Hội đồng Quản lý Nuôi trồng thủy sản)
- AAB** – ASC **A**ppointed **A**ccreditation **B**ody (Tổ chức Công nhận được chỉ định bởi ASC)
- ASI** – Assurance **S**ervices **I**nternational (Tổ chức Bảo đảm & Công nhận Quốc tế)
- CAB** – Conformity **A**ssessment **B**ody (Tổ chức Đánh giá)
- CAR** – Certification and **A**ccreditation **R**equirements (Yêu cầu về Chứng nhận và Công nhận)
- COC** – Chain of **C**ustody (Chuỗi hành trình Sản phẩm)
- FAO** - Food and **A**griculture **O**rganisation of the United Nations (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc)
- GMB** – Group **M**anagement **B**ody (Ban Quản lý Nhóm)
- IMS** – Internal **M**anagement **S**ystem (Hệ thống Quản lý Nội bộ)
- ISO** – International **S**tandard **O**rganisation (Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế)
- MSC** – Marine **S**tewardship **C**ouncil (Hội đồng Quản lý Biển)
- NC** – Non-**C**onformance / Non-**C**onformity (Sự không phù hợp/Lỗi)
- NGO** – Non-**G**overnmental **O**rganisation (Tổ chức Phi Chính phủ)
- UoC** – Unit of **C**ertification (Vùng nuôi được cấp Chứng nhận)

Tài liệu tham khảo

Các tài liệu được liệt kê dưới đây thuộc Yêu cầu Chứng nhận Nhóm của ASC.

Đối với tài liệu có ghi ngày tháng cụ thể hoặc số phiên bản, thì không sử dụng bản bổ sung, sửa đổi. Nhóm cần xem phiên bản gần đây nhất, có thể xem thêm các tài liệu hướng dẫn khác để có thêm thông tin.

Đối với tài liệu không có ghi ngày tháng cụ thể hoặc số phiên bản, thì sử dụng phiên bản mới nhất.

- a) Tiêu chuẩn ASC: Xem tại www.asc-aqua.org
- b) Yêu cầu về Chứng nhận và Công nhận ASC (CAR)

Phụ lục

Nhóm phải tuân thủ tất cả phụ lục có trong Yêu cầu Chứng nhận Nhóm ASC, nếu được sử dụng.

1. Phạm vi

- 1.1. Tài liệu này bao gồm những yêu cầu đối với Ban Quản lý Nhóm (Group Management Body, GMB)¹ – nơi chịu trách nhiệm việc triển khai, đăng ký, đạt chứng nhận và duy trì chứng nhận theo Tiêu chuẩn ASC.

2. Yêu cầu đối với Ban Quản lý Nhóm (GMB)

2.1. Ban Quản lý Nhóm cần:

- 2.1.1. Là một pháp nhân hoặc một cơ quan theo luật định trong một pháp nhân lớn hơn hoặc là một hình thức khác của tổ chức được công nhận hợp pháp (đã đăng ký với cơ quan chính phủ)
- 2.1.2. Có thẩm quyền ký kết những thỏa thuận có tính pháp lý cũng như đưa ra những cam kết đại diện cho nhóm.
- 2.1.3. Ký hợp đồng và đóng vai trò là đầu mối liên hệ chính đối với Tổ chức Đánh giá (CAB), Tổ chức Bảo đảm Công nhận Quốc tế (ASI), ASC và/hoặc bên đại diện cho ASC.
- 2.1.4. Tuân thủ hiến pháp, luật và các văn bản theo luật.
 - 2.1.4.1. Các thành viên khi tham gia quản trị và ra quyết định cũng cần tuân thủ hiến pháp, luật và các văn bản theo luật.
- 2.1.5. Chịu trách nhiệm quản lý chung đối với tất cả Thành viên trong Nhóm như một đơn vị hoạt động.
- 2.1.6. Chịu trách nhiệm bảo đảm tất cả Thành viên trong Nhóm tuân thủ theo tiêu chuẩn ASC hiện hành và những yêu cầu chứng nhận trong tài liệu này, bao gồm:
 - 2.1.6.1. Giám sát việc thanh tra nội bộ về hiệu quả của từng vùng nuôi của Thành viên trong Nhóm.
- 2.1.7. Xử lý những khiếu nại và kháng cáo do nội bộ Nhóm hoặc do những bên liên quan khác đưa ra.
- 2.1.8. Nhóm Lãnh đạo đánh giá nội bộ Hệ thống Quản lý Nội bộ (IMS) và đánh giá của Ban Quản lý về hoạt động của GMB theo các yêu cầu liên quan trong tài liệu này.
- 2.1.9. Có đủ nguồn lực (nhân sự giỏi, thời gian và năng lực tài chính) và cơ cấu để triển khai IMS và bảo đảm sự tuân thủ của tất cả Thành viên trong Nhóm.
 - 2.1.9.1. Chỉ định một người để điều phối tất cả hoạt động liên quan đến chứng nhận ASC trong Nhóm.
 - 2.1.9.2. Thông báo người được chỉ định đến tất cả Thành viên trong Nhóm và CAB.
 - 2.1.9.3. Lập một ủy ban gồm một hoặc nhiều người (tùy quy mô và cơ cấu phức tạp của nhóm) – ủy ban phải kết luận mức độ tuân thủ và đưa ra biện pháp xử phạt Thành viên trong Nhóm một cách khách quan.

2.2. GMB phải trình bày IMS thành hệ thống văn bản. Bao gồm những tài liệu sau đây:

- 2.2.1. Xác định rõ phạm vi và những mục tiêu của IMS.
- 2.2.2. Trách nhiệm của GMB, chức danh trong Nhóm, và những Thành viên trong Nhóm.
- 2.2.3. Thủ tục hành chính và thủ tục vận hành nhằm bảo đảm GMB và tất cả Thành viên trong Nhóm áp dụng nhất quán tài liệu và tuân thủ các yêu cầu của ASC. Phải có ít nhất các thủ

¹ Xem định nghĩa GMB tại Phụ lục 1 – Giải thích từ ngữ liên quan đến Chứng nhận Nhóm

tục sau:

2.2.3.1. Thủ tục thêm hoặc loại bỏ trại nuôi², thêm hoặc loại Thành viên trong Nhóm.

- i. GMB lưu trữ và cập nhật Sổ đăng ký Trại nuôi trong phạm vi Chứng nhận Nhóm (Phụ lục 2 – Mẫu Sổ Đăng ký Trại nuôi theo Nhóm).
- ii. GMB sẽ chỉ xem xét những trại nuôi mà đáp ứng được tất cả những tiêu chí đủ điều kiện sau đây để được cấp chứng nhận:
 - a) Trại nuôi nằm trong cùng khu vực, hoặc nằm trong khu vực lân cận nhưng có khung pháp lý chung tương tự;
 - b) Toàn bộ trại nuôi phải được bao gồm trong vùng nuôi (đăng ký) để cấp chứng nhận;
 - c) Mỗi trại nuôi phải thực hiện chính sách và thủ tục liên quan đến IMS của Nhóm trong ít nhất một vụ nuôi hoặc trong 6 tháng (chọn khoảng thời gian ngắn hơn trong hai khoảng thời gian này) trước khi được thêm vào Nhóm;
 - d) Trại nuôi phải tuân thủ yêu cầu và tiêu chuẩn ASC hiện hành, trừ khi tiêu chuẩn có yêu cầu khác;
 - e) Những trại nuôi đã từng bị loại trước đây (bất kể lý do nào, và bất kể trước đây trại nuôi thuộc chứng nhận Nhóm nào), thì sẽ được xem xét là trại nuôi mới, và chỉ được thêm vào nhóm sau 12 tháng tính từ ngày bị loại.
- iii. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày đạt chứng nhận và mỗi lần đánh giá giám sát tiếp theo, GMB có thể bổ sung tối đa 5 trại nuôi mới hoặc tối đa 10% tổng số trại nuôi hiện có (tùy theo số lượng nào nhỏ hơn) vào phạm vi chứng nhận của Nhóm.
 - a) Nếu số lượng trại nuôi được thêm vô nhiều hơn mức quy định trên, CAB sẽ phải đánh giá đột xuất tại chỗ;
 - b) Chỉ những trại nuôi quy mô nhỏ³ mới đủ điều kiện để được GMB thêm vào Nhóm.
 - c) GMB phải đánh giá nội bộ từng trại nuôi khi đăng ký mới:
 1. Những trại nuôi đăng ký mới sẽ cần phải được kiểm tra để chứng minh về hoạt động thu hoạch tôm trong thời gian ngắn (< 6 tháng).
 2. Chỉ những trại nuôi tuân thủ tất cả yêu cầu của tiêu chuẩn ASC hiện hành thì mới được phép thêm vô Nhóm.
 3. Nếu phát hiện sự không phù hợp (non-conformity) trong quá trình đánh giá nội bộ ở những trại nuôi đăng ký mới, cần phải giải quyết hoàn tất trước ngày GMB chấp nhận thêm trại nuôi vô Nhóm.
 4. Những trại nuôi này sẽ được đề xuất với CAB để đưa vào phạm vi Chứng nhận của Nhóm trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày hoàn thành kiểm tra nội bộ.
 - d) GMB cần ký một thỏa thuận với Thành viên trong Nhóm, người mà muốn đăng ký trại nuôi mới của họ vô phạm vi Chứng nhận Nhóm.
 - e) GMB cung cấp cho CAB các tài liệu liên quan đến điểm nuôi mới để CAB phê duyệt. Các tài liệu gồm kết quả đánh giá nội bộ, thỏa thuận ký với thành viên

² Xem định nghĩa “điểm nuôi” tại Phụ lục 1 – Giải thích từ ngữ liên quan đến Chứng nhận Nhóm

³ Xem định nghĩa “đơn vị nuôi trồng quy mô nhỏ” tại Phụ lục 1 – Giải thích từ ngữ liên quan đến Chứng nhận Nhóm

mới, sổ đăng ký điểm nuôi sau cập nhật, và chỉ dẫn địa lý rõ ràng về vị trí của điểm nuôi mới.

- f) GMB sẽ cung cấp cho CAB tài liệu liên quan đến các trại nuôi mới để được chấp thuận, bao gồm kết quả kiểm tra nội bộ, những thỏa thuận đã ký với những Thành viên mới trong Nhóm và cập nhật lại Sổ Đăng ký Trại nuôi của Nhóm, với chỉ dẫn rõ ràng về các trại nuôi mới sẽ được thêm vào.
 - g) Điểm nuôi mới chỉ được thêm vào phạm vi Chứng nhận Nhóm sau khi được sự chấp thuận bởi CAB.
- iv. Sau khi loại (hủy/thu hồi) hoặc đình chỉ chứng nhận đối với một trại nuôi của Nhóm, GMB phải:
- a) Loại bỏ trại nuôi và cập nhật lại Sổ Đăng ký Trại nuôi trong vòng hai (2) ngày kể từ ngày GMB đưa ra quyết định;
 - b) Thông báo bằng văn bản cho trại nuôi, trong thông báo ghi rõ trại nuôi không còn thuộc Nhóm, hoặc chứng nhận đối với trại nuôi bị đình chỉ, do vậy trại nuôi phải ngay lập tức ngưng sử dụng nhãn hiệu và logo của ASC, cũng như quyền dành cho sản phẩm đạt chứng nhận ASC hoặc yêu cầu bất kỳ quyền nào đối với sản phẩm được chứng nhận ASC hoặc chuỗi cung ứng được chứng nhận bởi ASC kể từ ngày có quyết định gỡ bỏ/đình chỉ;
 - c) Nhận văn bản xác nhận từ chủ trại nuôi, trong đó chủ trại nuôi xác nhận đã hiểu quyết định của GMB, và phải gửi văn bản xác nhận trong vòng hai (2) ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo;
 - 1. Nếu trại nuôi từ chối gửi văn bản xác nhận, thì sẽ không được thêm vào lại phạm vi Chứng nhận Nhóm trong vòng ba (3) năm kể từ ngày GMB đưa ra quyết định loại trại nuôi.
 - d) GMB phải thông báo cho CAB và ASC về quyết định loại/đình chỉ, và ghi rõ lý do, trong vòng năm (5) ngày làm việc.
- 2.2.3.2. Thủ tục đánh giá nội bộ Nhóm (đối với IMS) và thanh tra nội bộ (đối với những trại nuôi) bao gồm phương pháp và kết luận về sự phù hợp, kế hoạch và lịch trình thanh tra, danh sách kiểm tra và những công cụ thanh tra khác.
- i. Sẽ có một kế hoạch hàng năm cho (những) cuộc đánh giá và thanh tra nội bộ của Nhóm, khi cần thiết, kế hoạch này sẽ được điều chỉnh để phản ánh kết quả của các cuộc đánh giá và thanh tra nội bộ trước đó của Nhóm.
 - a) GMB cần sử dụng cẩm nang Đánh giá ASC hoặc danh mục chuẩn bị trước khi đánh giá (pre-audit checklist) để làm căn cứ cho thanh tra nội bộ.
 - ii. Lịch trình, cũng như kết quả thanh tra nội bộ Nhóm và đánh giá nội bộ trại nuôi, phải được thông báo cho tất cả Thành viên trong Nhóm.
 - a) Nếu thanh tra đột xuất⁴, thì không cần thông báo.
 - iii. Đánh giá nội bộ từng điểm nuôi của Thành viên nhóm diễn ra ít nhất mỗi năm một lần, trước đợt thanh tra độc lập của CAB (đánh giá ban đầu, giám sát và gia hạn chứng nhận). Những cuộc thanh tra nội bộ đối với mọi trại nuôi riêng lẻ của những Thành viên trong Nhóm sẽ diễn ra tối thiểu mỗi năm một lần và trước các đợt đánh giá bên ngoài của CAB (đánh giá ban đầu, giám sát và tái cấp chứng nhận).

⁴ Xem định nghĩa “thanh tra đột xuất” tại Phụ lục 1 – Giải thích từ ngữ liên quan đến Chứng nhận Nhóm

- a) Nếu phát hiện lỗi nghiêm trọng (major non-conformity) tại trại nuôi trong quá trình thanh tra nội bộ hoặc đánh giá độc lập của CAB, thì trại nuôi đó phải được thanh tra lại nhiều hơn một lần trước đợt đánh giá nội bộ Nhóm tiếp theo.
 - iv. Trại nuôi phải được thanh tra nội bộ khi đang trong giai đoạn nuôi tôm (chứ không phải đang trong giai đoạn treo ao).
 - v. Trong thời gian chứng nhận còn hiệu lực, mỗi trại nuôi phải được thanh tra nội bộ ít nhất một lần trong thời điểm đang nuôi tôm, để cho phép đánh giá được hết tất cả những yêu cầu cần áp dụng cho trại nuôi.
 - vi. Ít nhất 20% đợt thanh tra nội bộ của Nhóm đối với trại nuôi hằng năm là đợt xuất.
 - vii. Đánh giá nội bộ của Nhóm với GMB phải được thực hiện định kỳ hằng năm.
 - viii. Chỉ có thanh tra viên và đánh giá viên nội bộ của Nhóm đã qua đào tạo và đủ năng lực mới được tham gia đánh giá nội bộ Nhóm và thanh tra nội bộ trại nuôi, cũng như phân tích kết quả thanh tra/đánh giá.
 - ix. Thanh tra viên và đánh giá viên nội bộ của Nhóm phải đáp ứng yêu cầu về trình độ và năng lực được mô tả trong Phụ lục 3.
 - x. Tất cả nhân viên tham gia thực hiện hoặc quản lý việc thực hiện đánh giá nội bộ nhóm, thanh tra nội bộ trại nuôi, và kết luận về sự phù hợp của trại nuôi, phải chứng minh sự khách quan, công tâm và tuyên bố tất cả các xung đột về lợi ích tiềm ẩn trước khi tham gia vào các hoạt động đó.
 - xi. Quyết định về sự phù hợp của trại nuôi với Tiêu chuẩn ASC và Yêu cầu Chứng nhận Nhóm phải do một cá nhân hoặc một ủy ban không tham gia thanh tra trại nuôi thực hiện; kết luận phải dựa trên bằng chứng khách quan được ghi nhận trong quá trình thanh tra trại nuôi.
 - xii. Việc phân loại và xử lý các phát hiện của thanh tra và đánh giá nội bộ của Nhóm sẽ tuân theo các quy tắc đối với các phát hiện của đánh giá bên ngoài (Yêu cầu Chứng nhận và Công nhận ASC - CAR 17.10).
 - xiii. GMB cần thông báo cho CAB trong vòng tối đa năm (5) ngày làm việc về bất kỳ sự không tuân thủ nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng nào được phát hiện trong quá trình đánh giá và thanh tra nội bộ của Nhóm, và về bất kỳ sự kiện lớn nào có ảnh hưởng đến tình trạng tuân thủ của Nhóm với những yêu cầu của ASC (thí dụ: dịch bệnh, thiên tai, sự cố nghiêm trọng, thay đổi cách thức hoạt động của Nhóm).
 - xiv. Hậu quả của sự không phù hợp và biện pháp xử phạt cần phải được thông báo rõ ràng cho tất cả Thành viên trong Nhóm.
- 2.2.3.3. Thủ tục xác định và phân loại sản phẩm được tạo ra trong các giai đoạn sản xuất tại từng trại nuôi, giữa những trại nuôi khác nhau thuộc vùng nuôi đạt chứng nhận, và sản phẩm không thuộc vùng nuôi đạt chứng nhận.
- i. Có đầy đủ hồ sơ về hoạt động sản xuất và lưu thông sản phẩm tại mỗi trại nuôi (lồng/ lưới/đăng/ ao/ bể/ mương/ dãy) của mỗi trại nuôi và mỗi vùng nuôi.
 - ii. Sản phẩm đạt chứng nhận cần phải được xác định và phân loại trong tất cả giai đoạn sản xuất của vùng nuôi, nhằm ngăn chặn việc trộn lẫn với sản phẩm không đạt chứng nhận, trước khi đưa sản phẩm vào lưu thông trong chuỗi hành trình sản phẩm đạt chứng nhận MSC/ASC.
 - iii. GMB phải xây dựng điều kiện phân loại sản phẩm, cũng như biện pháp ngăn sản

phẩm bị trộn lẫn trực tiếp và gián tiếp.

- iv. GMB phải có quy trình phát hiện và xử lý sản phẩm không phù hợp⁵, ngăn chặn việc những sản phẩm đó được sử dụng và phân phối ngoài ý muốn.
- v. Không được hợp tác với các thương lái trung gian để thực hiện việc giao nhận sản phẩm đạt chứng nhận giữa những trại nuôi của Thành viên nhóm và GMB.
- vi. GMB phải chỉ định nhân viên giám sát chặt chẽ việc vận chuyển sản phẩm đạt chứng nhận từ những trại nuôi đến địa điểm tập trung của GMB. GMB phải lưu trữ những loại giấy tờ sau:
 - a) Phương tiện vận chuyển;
 - b) Số lượng phương tiện vận chuyển;
 - c) Thời điểm thu hoạch/đóng hàng/nhận hàng;
 - d) Khối lượng (kg khối lượng sống, kích cỡ);
 - e) Lộ trình vận chuyển;
 - f) Số seal;
 - g) Người phụ trách vận chuyển.
- vii. Tất cả hồ sơ liên quan phải được lưu giữ để truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ chuỗi hành trình sản phẩm đạt chứng nhận MSC/ASC, ngược về lại trại nuôi (lồng/ lưới/ đăng/ ao/ bể/ mương/ dẫy). Xem thêm tại Phụ lục 4 – Giao nhận sản phẩm đạt chứng nhận ASC của Thành viên Nhóm.
- viii. Nếu UoC có chứng nhận Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) MSC/ASC riêng, thì không áp dụng yêu cầu trên (2.2.3.3.i).
- ix. GMB phải có chứng nhận CoC MSC/ASC riêng nếu GMB quản lý cả sản phẩm đạt chứng nhận và sản phẩm không đạt chứng nhận.
 - a) Chứng nhận CoC MSC/ASC riêng biệt sẽ được thực hiện bởi cùng một CAB giống như cấp chứng nhận Nhóm.
 1. Nếu chứng nhận MSC/ASC CoC do CAB khác cấp và quản lý trước khi GMB đăng ký chứng nhận Nhóm, thì GMB phải yêu cầu chuyển đổi chứng nhận CoC qua cùng một CAB, nơi mà sẽ cấp chứng nhận Nhóm.

2.2.3.4. Thủ tục áp dụng và thực thi những biện pháp xử phạt:

- i. Những loại sự kiện có thể dẫn đến các biện pháp xử phạt, có thể xét các sự kiện khác không thuộc danh sách này:
 - a) Sự không phù hợp nặng và/hoặc nghiêm trọng (critical and/or major non-conformity), được phát hiện được trong quá trình thanh tra nội bộ hoặc đánh giá độc lập từ bên ngoài;
 - b) Lạm dụng hoặc sử dụng sai logo của ASC;
 - c) Bán sản phẩm không đạt chứng nhận dưới danh nghĩa sản phẩm đạt chứng nhận ASC;
 - d) Vi phạm các yêu cầu khác trong tài liệu này, hoặc tài liệu khác của Nhóm (Thí dụ: Hợp đồng/thỏa thuận).
- ii. Biện pháp xử phạt phải phù hợp với sự kiện dẫn đến biện pháp xử phạt và mức độ

⁵ Xem định nghĩa “sản phẩm không phù hợp” tại Phụ lục 1 – Giải thích từ ngữ liên quan đến Chứng nhận Nhóm

nhằm trọng của sự kiện. Biện pháp xử phạt bao gồm, nhưng không giới hạn:

- a) Tách riêng sản phẩm và/hoặc ngăn chặn không cho sản phẩm đi vô chuỗi hành trình sản phẩm đạt chứng nhận ASC;
- b) Đình chỉ và/hoặc thu hồi chứng nhận đối với trại nuôi;
- c) Nếu CAB hoặc thanh tra viên nội bộ phát hiện lỗi nặng hoặc nghiêm trọng tại trại nuôi:
 1. Tôm được thu tại trại nuôi trong khoảng thời gian từ lúc phát hiện tới lúc giải quyết xong lỗi nặng, sẽ được xem là sản phẩm không đạt chứng nhận.
 2. Trại nuôi sau khi bị đình chỉ chứng nhận, nếu vẫn bị đình chỉ sau một khoảng thời gian nhất định, thì sẽ bị hủy bỏ hiệu lực chứng nhận.
- iii. GMB có trách nhiệm giám sát việc thực thi những biện pháp giải quyết những lỗi sai được phát hiện trong suốt quá trình thanh tra nội bộ của Nhóm và trại nuôi và sự đánh giá độc lập từ bên ngoài bởi CAB.

2.2.3.5. Thủ tục khiếu nại và kháng cáo:

- i. Thành viên trong Nhóm có quyền khiếu nại và kháng cáo đối với kết luận về những lỗi sai được nêu ra trong quá trình thanh tra nội bộ và biện pháp xử phạt của GMB.
- ii. GMB phải lưu hồ sơ, theo dõi và phân tích tất cả khiếu nại và kháng cáo (do nội bộ nhóm hoặc các bên liên quan khác từ bên ngoài đưa lên), cũng như xem lại báo cáo đánh giá công tác quản lý, để liên tục cải thiện hoạt động.

2.2.3.6. Thủ tục rà soát công tác quản lý:

- i. Việc rà soát toàn bộ trại nuôi của Nhóm như là một hoạt động thường niên, nhưng ít nhất phải sau 12 tháng kể từ đợt rà soát đầu tiên, và trước đợt đánh giá chứng nhận ASC ban đầu.
- ii. Rà soát công tác quản lý phải bao gồm tối thiểu các chủ đề sau:
 - a) Kết quả đánh giá nội bộ Nhóm, thanh tra nội bộ vùng nuôi, đánh giá độc lập từ bên ngoài, và hành động có liên quan nhằm xử lý những lỗi sai;
 - b) Những khó khăn/vấn đề mà phần lớn Thành viên trong Nhóm đều gặp phải (Thí dụ: dịch bệnh, chất lượng đầu vào, doanh số bán sản phẩm đạt chứng nhận);
 - c) Khiếu nại và kháng cáo đã nhận được, và cách thức giải quyết;
 - d) Hiệu quả của những biện pháp xử phạt;
 - e) Những cải tiến đã được thực hiện và/hoặc được lên kế hoạch để triển khai.
- iii. GMB phải lưu giữ tất cả hồ sơ về những kết luận và thỏa thuận đạt được trong quá trình rà soát công tác quản lý bằng văn bản, và gửi cho tất cả Thành viên trong Nhóm.

2.2.3.7. Thủ tục quản lý tài liệu cần đáp ứng tối thiểu những điều kiện sau:

- i. Những tài liệu do cá nhân (được bổ nhiệm) phê duyệt, và có mã định danh cho biết phiên bản hiện hành của tài liệu.
- ii. Những tài liệu cũ phải được thu hồi và xử lý, hoặc được đánh dấu riêng, để tránh nhầm lẫn và sai sót.
- iii. Những tài liệu của Nhóm phải được trình bày bằng ngôn ngữ được sử dụng chung

tại trại nuôi và nhân công của tất cả Thành viên trong Nhóm.

- a) Trong trường hợp cần dịch thuật, GMB phải đảm bảo bản dịch sát với bản gốc.
 - iv. Một danh mục chung nhằm lưu trữ tất cả hồ sơ đối nội và đối ngoại (Thí dụ: quy định, tiêu chuẩn, thủ tục) phải được quản lý cẩn thận và cập nhật liên tục.
 - v. Hồ sơ cần phải được rà soát thường xuyên nhằm cải thiện IMS một cách liên tục.
- 2.2.3.8. Những thủ tục về quản lý hồ sơ, xác định loại hồ sơ trong Nhóm, thời gian lưu giữ, vị trí và quyền truy cập để truy xuất hồ sơ.
- i. GMB phải lưu giữ tối thiểu những hồ sơ sau:
 - a) Sổ Ghi danh/Đăng ký Trại nuôi;
 - b) Thỏa thuận đã ký với Thành viên trong Nhóm, phụ lục sửa đổi và bổ sung;
 - c) Hợp đồng với CAB, phụ lục sửa đổi và bổ sung;
 - d) Hồ sơ đào tạo;
 - e) Báo cáo đánh giá và thanh tra nội bộ Nhóm, bao gồm biện pháp giải quyết và bằng chứng đã giải quyết những lỗi sai (non-conformities);
 - f) Báo cáo rà soát công tác quản lý;
 - g) Hồ sơ thu mua và phân phối nguyên liệu đầu vào của vùng nuôi, nếu có;
 - h) Biên bản giao nhận sản phẩm đạt chứng nhận của mỗi trại nuôi và của vùng nuôi theo từng đợt;
 - i) Hồ sơ bán sản phẩm đạt chứng nhận ASC (Phụ lục 5 – Mẫu hồ sơ bán sản phẩm đạt chứng nhận nhóm ASC);
 - j) Hồ sơ khiếu nại và kháng cáo, và hình thức giải quyết (Phụ lục 6 – Mẫu hồ sơ Khiếu nại và Kháng cáo).
 - ii. GMB cần phải lưu giữ tất cả hồ sơ mà tiêu chuẩn ASC yêu cầu.
 - a) GMB chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ của những thành viên nào không có khả năng quản lý hồ sơ (Thí dụ: do mù chữ).
- 2.2.3.9. Thủ tục đào tạo bao gồm nội dung đào tạo, dành cho những vị trí liên quan và những Thành viên trong Nhóm.
- i. Những yêu cầu về trình độ và đào tạo đối với tất cả nhân viên tham gia GMB và tại những trại nuôi riêng lẻ cần được xác định rõ.
 - ii. Xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm, trong đó phải đào tạo những yêu cầu theo Tiêu chuẩn ASC, những yêu cầu liên quan đến việc cấp và duy trì hiệu lực chứng nhận, những yêu cầu liên quan đến IMS, kiến thức kỹ thuật vận hành trại nuôi, kiến thức ứng phó và xử lý trường hợp khẩn cấp.
 - iii. Việc đào tạo sẽ được thực hiện bởi những chuyên gia có trình độ, năng lực, những người đã được GMB lựa chọn dựa trên các thủ tục được lập thành văn bản.
- 2.2.3.10. Thủ tục liên lạc với Thành viên trong Nhóm và những bên liên quan khác (CAB, ASC, Tổ chức Quốc tế về Bảo đảm và Công nhận – ASI):
- i. Thông tin liên lạc giữa GMB và những trại nuôi riêng lẻ đang hoạt động trong vùng nuôi được cấp chứng nhận.

- ii. Trao đổi thông tin liên lạc trong nội bộ GMB, giữa thanh tra viên/đánh giá viên nội bộ, Người liên hệ với ASC, ủy ban và những thành viên khác trong GMB.
- iii. Trao đổi thông tin liên lạc giữa và bởi những người có quyền quyết định trong GMB.
- iv. Nếu GMB không cung cấp thông tin cho CAB (ví dụ: các thông tin liên quan đến thêm hoặc loại bỏ trại nuôi, lỗi nặng, sự kiện lớn) trong khoảng thời gian quy định, thì CAB sẽ đình chỉ hiệu lực Chứng nhận Nhóm, cho đến khi GMB bổ sung thông tin theo yêu cầu của CAB.

3. Thỏa thuận giữa Ban Quản lý Nhóm và Thành viên trong Nhóm

3.1. GMB và từng Thành viên trong Nhóm cần phải ký kết một thỏa thuận bằng văn bản.

- 3.1.1. Phải có một (1) thỏa thuận ràng buộc về mặt pháp lý đối với từng Thành viên trong Nhóm, trong thỏa thuận nêu rõ trại nuôi nào của thành viên Nhóm thuộc phạm vi Chứng nhận Nhóm.
- 3.1.2. Ngôn ngữ trong thỏa thuận phải là ngôn ngữ chung của các bên, Thành viên trong Nhóm phải hiểu được nội dung thỏa thuận, và những yêu cầu trong đó.
- 3.1.3. Thỏa thuận phải bao gồm, nhưng không giới hạn, những điều khoản sau:
 - 3.1.3.1. Từng Thành viên trong Nhóm phải cam kết tuân thủ tiêu chuẩn ASC hiện hành và những yêu cầu Chứng nhận Nhóm.
 - 3.1.3.2. Vị trí của những trại nuôi cần bao gồm trong phạm vi Chứng nhận Nhóm.
 - 3.1.3.3. Khi GMB thực thi biện pháp xử phạt với một trại nuôi, thì trại nuôi/thành viên sở hữu trại nuôi, và/hoặc thương lái thu mua nguyên liệu thô do trại nuôi cung cấp, không được yêu cầu quyền lợi từ chứng nhận ASC hay 'sản phẩm đạt chứng nhận ASC' (kể từ ngày biện pháp xử phạt có hiệu lực).
 - 3.1.3.4. Ủy quyền cho GMB để bắt đầu những thay đổi cần được xác định.
 - 3.1.3.5. Thành viên nhóm phải chấp nhận những cuộc thanh tra nội bộ, và đánh giá độc lập do CAB và Tổ chức Quốc tế Bảo đảm và Công nhận (ASI) thực hiện, cũng như những chuyến công tác do ASC (hoặc tổ chức/cá nhân do ASC chỉ định) thực hiện.
 - i. Nếu những cuộc thanh tra nội bộ, và đánh giá độc lập/công tác được thực hiện đột xuất, thì trong vòng hai (2) giờ, Thành viên trong Nhóm cần phải cho phép những hoạt động đó diễn ra thuận lợi.
 - 3.1.3.6. Thành viên trong Nhóm phải báo cáo cho GMB nếu có bất kỳ sự lỗi nặng (major non-conformity) hoặc sự kiện lớn (major event) nào xảy ra ngoài ý muốn.
 - 3.1.3.7. Biện pháp xử phạt phải được áp dụng khi có hành vi vi phạm thỏa thuận.
 - 3.1.3.8. Bên cạnh 3.1.3.1-3.1.3.7, thỏa thuận giữa GMB và trại nuôi (nếu có) phải minh bạch và công bằng, như được quy định tại Phụ lục 7 – Thỏa thuận giữa GMB và Thành viên trong Nhóm.

3.2. Từng Thành viên trong Nhóm phải lưu một bản sao của thỏa thuận đã ký.

4. Những yêu cầu dành cho Hội viên của Nhóm

4.1. Việc tham gia vào Chứng nhận Nhóm ASC phải là hoàn toàn tự nguyện:

- 4.1.1. Thành viên trong Nhóm có thể chấm dứt tư cách hội viên bất kỳ lúc nào.
- 4.1.2. Thành viên trong Nhóm sắp ra khỏi nhóm với lệnh trừng phạt đang chờ xử phạt do GMB hoặc CAB ban hành có thể yêu cầu được gia nhập lại vào Nhóm hoặc một Nhóm khác sau 12 tháng kể từ ngày rời đi.
 - 4.1.2.1. GMB chỉ có thể nhận lại thành viên vào Nhóm nếu đã xác định được nguyên nhân gốc rễ dẫn đến biện pháp xử phạt đã được giải quyết.
- 4.2. Tất cả Thành viên trong Nhóm phải đáp ứng những điều kiện sau:
 - 4.2.1. Là những trại nuôi có quy mô nhỏ.
 - 4.2.1.1. Những trại nuôi có quy mô vừa và lớn có thể tham gia và thực hiện các yêu cầu dưới danh nghĩa là Thành viên trong Nhóm, nhưng tất cả những trại nuôi đó sẽ phải chấp nhận việc đánh giá độc lập từ bên ngoài.
 - 4.2.2. Phải được thanh tra và đánh giá theo cùng một tiêu chuẩn ASC.
- 4.3. Thành viên trong Nhóm có thể đăng ký một hoặc nhiều trại nuôi (hoạt động hợp pháp) vào phạm vi của chứng nhận Nhóm.
- 4.4. Thành viên trong Nhóm chỉ được tham gia một trại nuôi được cấp chứng nhận ngay tại một thời điểm cố định.
- 4.5. Theo yêu cầu của CAB, ASI, ASC hoặc tổ chức/cá nhân đại diện cho ASC, Thành viên trong Nhóm phải cung cấp tài liệu và hồ sơ của trại nuôi đã bị loại bỏ khỏi Nhóm (hiệu lực chứng nhận bị thu hồi/hủy bỏ/hết hạn) trong vòng 12 tháng kể từ ngày loại bỏ.

5. Đơn đăng ký tham gia Chứng nhận Nhóm

- 5.1. GMB phải có hồ sơ về việc thực hiện các yêu cầu đối với chứng nhận Nhóm trong ít nhất một vụ nuôi, hoặc sáu (6) tháng, tùy theo thời gian nào ngắn hơn.
- 5.2. GMB phải lập kế hoạch đánh giá ban đầu bởi CAB, sao cho tất cả trại nuôi trong phạm vi chứng nhận đều đang trong giai đoạn sản xuất .
- 5.3. Tất cả trại nuôi thuộc vùng nuôi đạt chứng nhận phải được thanh tra nội bộ, và:
 - 5.3.1. Trại nuôi đã giải quyết hết lỗi nặng hoặc nghiêm trọng.
 - 5.3.2. Tất cả trại nuôi phải có hồ sơ sản xuất theo yêu cầu của tiêu chuẩn ASC hiện hành.
- 5.4. GMB sẽ thông báo cho CAB nếu họ (bao gồm bất kỳ Thành viên nào trong Nhóm/những trại nuôi riêng lẻ) đã bị bất kỳ CAB nào khác đình chỉ hoặc thu hồi chứng nhận ASC của họ trong vòng 12 tháng qua.

6. Sử dụng Nhãn hiệu Chứng nhận

- 6.1. Việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận ASC được quy định trong Thỏa thuận Cấp phép Logo ASC.
- 6.2. GMB được phép đăng ký sử dụng logo và nhãn hiệu của ASC sau khi được CAB cấp chứng nhận.
 - 6.2.1. GMB có thể đưa sản phẩm của Thành viên trong Nhóm vào chuỗi hành trình sản phẩm, sau khi ký kết Thỏa thuận Cấp phép Logo ASC.
 - 6.2.2. Thành viên trong Nhóm không được tự ý ký kết riêng lẻ Thỏa thuận Cấp phép Logo ASC (xem thêm tại 7.3).

7. Thương mại hóa sản phẩm của Nhóm

- 7.1. GMB phải kê khai trong đơn đăng ký chứng nhận với CAB nếu quản lý cả sản phẩm đạt chứng nhận và sản phẩm không đạt chứng nhận ASC⁶.
 - 7.1.1. GMB phải thông báo cho CAB trong vòng năm (5) ngày làm việc nếu quyết định quản lý sản phẩm không đạt chứng nhận.
 - 7.1.2. GMB phải có chứng nhận CoC MSC/ASC riêng nếu GMB quản lý cả sản phẩm đạt chứng nhận và sản phẩm không đạt chứng nhận (Xem 2.2.3.3.ix).
- 7.2. Tất cả hoạt động giao dịch bán sản phẩm đạt chứng nhận ASC đều phải thông qua GMB.
 - 7.2.1. Hồ sơ bán phải được ghi chép đầy đủ, bao gồm: ngày bán, sản lượng, cỡ tôm, trại nuôi, cách thức nuôi, ngày thả giống và thu hoạch, thông tin vận chuyển/bảo quản, tên người mua.
 - 7.2.2. Việc bán sản phẩm phải công khai minh bạch với Thành viên trong Nhóm và CABs hoặc ASC và ASI hoặc cá nhân do ASC chỉ định.
 - 7.2.3. Khi bán sản phẩm đạt chứng nhận ASC, GMB phải đảm bảo sản phẩm đủ điều kiện bán.
- 7.3. Thành viên nhóm có thể tự bán sản phẩm của mình, nhưng chỉ được bán sản phẩm không đạt chứng nhận.
 - 7.3.1. Thành viên trong Nhóm phải có báo cáo hàng tháng cho GMB nếu trực tiếp bán sản phẩm của mình. Báo cáo gồm ngày bán, sản lượng, cỡ tôm, cách thức nuôi.
 - 7.3.1.1. Thành viên trong Nhóm phải lưu hồ sơ bán sản phẩm không đạt chứng nhận (Phụ lục 8 – Hồ sơ Bán hàng Trực tiếp của Thành viên trong Nhóm).
 - 7.3.2. Nếu Thành viên nhóm không thông báo cho GMB về việc bán sản phẩm không đạt chứng nhận trong thời gian quy định, thì GMB sẽ áp dụng biện pháp xử phạt, đó là loại thành viên đó ra khỏi vùng nuôi đạt chứng nhận.

⁶ Xem định nghĩa “sản phẩm không đạt chứng nhận” tại Phụ lục 1 – Giải thích từ ngữ liên quan đến Chứng nhận Nhóm.

Phụ lục 1 – Giải thích từ ngữ liên quan đến Chứng nhận Nhóm

Người liên hệ với ASC (ASC Representative)	Cá nhân bổ nhiệm bởi được Ban Quản lý Nhóm, chịu trách nhiệm đảm bảo Ban Quản lý Nhóm tuân thủ các những yêu cầu theo tiêu chuẩn ASC. Người liên hệ với ASC là đầu mối liên hệ với ASC, và không phải là nhân viên của ASC.
Hợp đồng sản xuất (Contract farming)	Hợp đồng giữa Thành viên trong Nhóm và GMB về việc sản xuất và cung ứng sản phẩm nuôi trồng thủy sản theo hợp đồng có kỳ hạn (forward agreement), với mức giá đã định trước. (Định nghĩa của FAO).
Chứng nhận Nhóm (Group Certificate)	Chứng nhận theo tiêu chuẩn ASC dành cho nhóm, bao gồm từ hai hoặc nhiều hơn hai trại nuôi có quy mô nhỏ trở lên. Nhóm có một ban quản lý, có thẩm quyền và trách nhiệm triển khai và duy trì Hệ thống Quản lý Nội bộ, đảm bảo tất cả Thành viên trong Nhóm tuân thủ các yêu cầu của ASC.
Ban Quản lý Nhóm (Group Management Body, GMB)	Một cá nhân hoặc một nhóm chịu trách nhiệm quản lý và đảm bảo Nhóm tuân thủ những yêu cầu của ASC.
Thành viên Nhóm (Group Member)	Chủ trại nuôi đơn lẻ, tham gia vô nhóm chính thức cho mục đích nộp đơn, đạt được và duy trì chứng nhận ASC. <u>LƯU Ý</u> : Thành viên trong Nhóm có thể có một hoặc nhiều hơn một trại nuôi.
Thời kỳ thu hoạch (Harvest period)	Khoảng thời gian giữa vụ thu hoạch đầu tiên đến vụ thu hoạch cuối cùng tại trại nuôi, trước thời kỳ khô hạn kéo dài.
Thanh tra nội bộ Nhóm (Group internal audit)	Rà soát về sự tuân thủ của Ban Quản lý Nhóm và Hệ thống Quản lý Nội bộ với những yêu cầu của ASC dành cho Chứng nhận Nhóm
Thanh tra viên nội bộ của Nhóm (Group internal auditor)	Cá nhân do Ban Quản lý Nhóm bổ nhiệm, chịu trách nhiệm thanh tra khách quan hoạt động nội bộ của Nhóm – tức hoạt động của GMB và Hệ thống Quản lý Nội bộ.
Thanh tra Nội bộ (Internal Inspection)	Rà soát về sự tuân thủ của Thành viên trong Nhóm và trại nuôi do Thành viên nhóm vận hành, đối với Tiêu chuẩn ASC và những yêu cầu của chứng nhận Nhóm.
Thann tra viên Nội bộ (Internal Inspector)	Cá nhân do Ban Quản lý Nhóm bổ nhiệm, chịu trách nhiệm thanh tra khách quan hoạt động nội bộ của những thành viên trong nhóm.
Hệ thống Quản lý Nội bộ (Internal Management System, IMS)	Bộ hồ sơ, bao gồm quy trình và thủ tục do Nhóm xây dựng và triển khai để quản lý hoạt động chung của Nhóm và hoạt động của Thành viên nhóm, hướng đến mục tiêu đạt chứng nhận ASC và duy trì hiệu lực chứng nhận.

Sản phẩm không đạt chứng nhận (Non-certified product)	<p>Sản phẩm không đáp ứng yêu cầu của ASC, do đó không đủ điều kiện để được xem là sản phẩm đạt chứng nhận. Sản phẩm không đạt chứng nhận có thể bao gồm cả sản phẩm thuộc và không thuộc vùng nuôi được cấp chứng nhận (UoC) (Thí dụ: Sản phẩm do trại nuôi bị đình chỉ hiệu lực chứng nhận).</p>
Sản phẩm không phù hợp (Non-conforming product)	<p>Sản phẩm được sản xuất trong đơn vị được cấp chứng nhận (UoC) nhưng không phù hợp với yêu cầu đối với sản phẩm. Yêu cầu đối với sản phẩm do tiêu chuẩn ASC, hoặc do chính UoC quy định. Sản phẩm không phù hợp với yêu cầu của ASC được xem là sản phẩm không đạt chứng nhận, do đó không đủ điều kiện tham gia chuỗi hành trình sản phẩm đạt chứng nhận ASC.</p>
Biện pháp xử phạt (Sanctions)	<p>Biện pháp được áp dụng với Thành viên trong Nhóm và trại nuôi của họ, khi có hành vi vi phạm tiêu chuẩn hoặc những yêu cầu cụ thể khác.</p> <p>Biện pháp xử phạt có thể áp dụng riêng trong nội bộ – Nhóm áp dụng cho Thành viên trong Nhóm, hoặc áp dụng từ bên ngoài – CAB áp dụng cho toàn bộ Nhóm.</p>
Trại nuôi quy mô nhỏ (Small-scale aquaculture producers)	<p>Trại nuôi có sản lượng thấp, và/hoặc có diện tích nuôi nhỏ, không thuê công nhân quanh năm, mà phần lớn công việc trong trại nuôi là do chủ trại nuôi hoặc người thân làm (thậm chí là khi chủ trại nuôi có nhiều hơn một trại), và thường thiếu hụt năng lực về kỹ thuật và tài chính để nộp đơn cấp chứng nhận.</p> <p>(Định nghĩa tham khảo trong FAO 2011, Hướng dẫn kỹ thuật về Chứng nhận nuôi trồng thủy sản và Fairtrade International).</p>
Giao dịch (Transaction)	<p>Bán sản phẩm đạt chứng nhận ASC và có hóa đơn.</p>
Đánh giá đột xuất (Unannounced audit)	<p>Cuộc đánh giá độc lập do CAB thực hiện với khách hàng và/hoặc thành viên/trại nuôi mà không thông báo công khai hoặc thông báo trước.</p>
Thanh tra đột xuất (Unannounced inspection)	<p>Cuộc thanh tra nội bộ đối với Thành viên trong Nhóm và/hoặc trại nuôi của Thành viên trong Nhóm, nhưng không thông báo trước.</p>

Phụ lục 2 – Sổ Ghi danh/Đăng ký Trại nuôi

(Có thể tải trên trang web của ASC, cho đến khi cơ sở dữ liệu trực tuyến hoàn thành)

Chứng nhận Nhóm ASC_Phụ lục 2 – Sổ Ghi danh/Đăng ký Trại nuôi

Tên của Chủ sở hữu Chứng nhận Nhóm:	
Mã chứng nhận:	
Địa chỉ của Ban Quản lý Nhóm (GMB):	
Người phụ trách đăng ký và giám sát trại nuôi:	
Chức danh:	
Email:	Số điện thoại:
Ngày cập nhật gần nhất:	

Mỗi trại nuôi được nhập riêng (mỗi trại nuôi một hàng)

#	Tên Thành viên nhóm	Địa chỉ của Thành viên nhóm	Số lượng trại nuôi		Tên của trại nuôi thuộc phạm vi Chứng nhận Nhóm	GPS của trại nuôi (kinh độ và vĩ độ)	Mã giấy phép/ID của trại nuôi	Số lượng công nhân làm việc toàn thời gian trong 12 tháng qua (lấy số lớn nhất)	Số lượng công nhân làm việc thời vụ trong 12 tháng qua (lấy số lớn nhất)	Loại hình sản xuất (độc canh/đa canh)	Loại nuôi không đạt chứng nhận
			Trại nuôi do Thành viên nhóm sở hữu	Trại nuôi được thêm vào phạm vi Chứng nhận Nhóm							

Phụ lục 2 (xem tiếp tại trang 24)

Phụ lục 2 (nối tiếp trang 23)

Sản phẩm đạt chứng nhận									
Loài nuôi đạt chứng nhận (tên tiếng Anh/tên khoa học)	Phương thức sản xuất (quảng canh/bán quảng canh/thâm canh/siêu thâm canh)	Hệ thống sản xuất (lồng/ lưới/ đàng, quảng/ ao/ mương/ dẫy)	Số lượng đàng, quảng/ lồng/ ao/ bể/ v.v. của điểm nuôi	Diện tích sản xuất (ha)	Diện tích nuôi trồng (ha)	Bản đồ trại nuôi	Ngày trại nuôi được thêm vào phạm vi Chứng nhận Nhóm	Ngày trại nuôi bị loại bỏ/thu hồi hiệu lực Chứng nhận Nhóm	Lý do trại nuôi bị loại bỏ/điểm nuôi rời khỏi nhóm

Phụ lục 3 – Yêu cầu về năng lực của thanh tra viên và đánh giá viên nội bộ

Đánh giá viên nội bộ của Nhóm chịu trách nhiệm đánh giá Hệ thống Quản lý Nội bộ (IMS) của Nhóm, dựa trên yêu cầu được nêu trong tài liệu Chứng nhận Nhóm, và được yêu cầu lập báo cáo đánh giá nội bộ

Thanh tra viên nội bộ chịu trách nhiệm thanh tra trại nuôi của những Thành viên trong Nhóm, dựa trên tiêu chuẩn ASC, và được yêu cầu lập báo cáo thanh tra nội bộ

Yêu cầu		Đánh giá viên nội bộ của Nhóm	Thanh tra viên nội bộ	Ghi chú
Kiến thức và năng lực				
G1. Trình độ học vấn	Ít nhất có một bằng cấp cao hơn bằng trung học phổ thông	x	x	
G2. Hiểu biết về tình hình tổ chức	Có kiến thức kinh doanh cơ bản, hiểu được tình hình hoạt động của tổ chức: quy mô, cơ cấu tổ chức, chức năng và quan hệ kinh doanh.	x	x	
	Hiểu được quan hệ xã hội, kinh tế và văn hóa giữa những người lao động.		x	
G3. Hiểu biết về hệ thống quản lý và tài liệu tham khảo	Có kiến thức cơ bản về các tiêu chuẩn hệ thống quản lý (ví dụ: ISO 9001), thủ tục hiện hành và các tài liệu khác về hệ thống quản lý mà được sử dụng làm tiêu chí thanh tra.	x		
G4. Đào tạo năng lực thanh tra/đánh giá	<p>Hoàn thành khóa đào tạo Đánh giá viên nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 19011, thời lượng đào tạo tối thiểu là mười sáu (16) giờ.</p> <p>Chứng nhận ghi rõ nội dung và thời lượng đào tạo. Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo là bắt buộc.</p> <p>Tổ chức cung cấp khóa đào tạo phải thuộc hệ thống của IRCA (Cơ quan Đăng ký quốc tế của Kiểm toán viên được chứng nhận) hoặc tổ chức có chức năng tương tự.</p> <p>HOẶC</p> <p>Hoàn thành khóa đào tạo Đánh giá viên và Thanh tra viên nội bộ đã được ASC phê duyệt.</p> <p>HOẶC</p> <p>Hoàn thành khóa đào tạo với chuyên gia là một đánh giá viên (nội bộ), thời lượng</p>	x	x	

	đào tạo tối thiểu là mười sáu (16) giờ.			
	Hoàn thành khóa đào tạo về tiêu chuẩn ASC hiện hành.	x	x	
	Hoàn thành khóa đào tạo về các yêu cầu của ASC dành cho Chứng nhận Nhóm.	x	x	Nếu có
	Tham gia và hoàn thành khóa đào tạo online về 'Truy xuất nguồn gốc trại nuôi ASC'.	x		Nếu có
	Hoàn thành khóa đào tạo về truy xuất nguồn gốc trại nuôi, với giảng viên là đánh giá viên (nội bộ).		x	
	Hoàn thành khóa đào tạo của ASC về các yêu cầu mới của ASC, cũng như khóa đào tạo về các thay đổi trong bộ luật, luật, và công ước lao động.	x		
	Hoàn thành khóa đào tạo của ASC về các yêu cầu mới của ASC, cũng như khóa đào tạo về các thay đổi trong bộ luật, luật, công ước lao động, với giảng viên là đánh giá viên (nội bộ).		x	
Kinh nghiệm làm việc và đánh giá/thanh tra				
G5. Kinh nghiệm làm việc	Có kinh nghiệm liên quan đến doanh nghiệp đang được đánh giá, hoặc trại nuôi đang được thanh tra.	x	x	
G6. Kinh nghiệm đánh giá/ thanh tra	Tham gia ít nhất hai đợt đánh giá hoặc thanh tra chương trình chứng nhận nuôi trồng thủy sản với tư cách là thanh tra viên hoặc đánh giá viên tạm quyền (được thanh tra viên hoặc đánh giá viên nội bộ xác nhận và ký tên), trong hai năm qua.	x	x	
	Tham gia đánh giá hoặc thanh tra dưới sự chứng kiến của thanh tra viên/đánh giá viên nội bộ của ASC, không ít hơn một lần mỗi hai (2) năm.	x	x	
Kỹ năng				
G7. Kỹ năng viết	Có khả năng soạn thảo báo cáo rõ ràng và chính xác về các phát hiện tìm được trong quá trình thanh tra/đánh giá.	x	x	
G8. Kỹ năng thuyết trình	Có khả năng giao tiếp tốt, khiến người nghe nắm bắt được ý muốn truyền tải.	x	x	
G9. Kỹ năng sắp xếp	Có khả năng sắp xếp và quản lý thời gian tốt.	x	x	

G10. Kỹ năng điều phối	Có khả năng đảm bảo thông tin được trao đổi hiệu quả giữa mình và những người khác.	x	x	
G11. Kỹ năng phỏng vấn	Có khả năng sử dụng các kỹ thuật phỏng vấn khác nhau.	x	x	
G12. Kỹ năng ngôn ngữ	Trừ trường hợp có phiên dịch viên độc lập hỗ trợ, có khả năng nói và đọc thành thạo (các) ngôn ngữ của quản lý, quản trị viên và người lao động của tổ chức được thanh tra/đánh giá.	x	x	
G13. Kỹ năng phát hiện vấn đề	Có kiến thức và khả năng phát hiện và lập văn bản các bằng chứng về sự không phù hợp.	x	x	
G14. Kỹ năng lắng nghe	Hiểu và có thể giao tiếp bằng lời nói và bằng ngôn ngữ cơ thể.	x	x	
G15. Kỹ năng số học	Hiểu và đọc được hệ thống số liệu cũng như ý nghĩa của số liệu.	x	x	
G16. Kỹ năng đọc	Hiểu và đọc được các tài liệu viết liên quan đến các vấn đề được thanh tra/đánh giá.	x	x	
G17. Kỹ năng thích ứng	Sẵn sàng thích ứng với các tình huống khác nhau, giải quyết tốt xung đột và đạt được thỏa thuận.	x	x	
G18. Đạo đức	Công bằng, trung thực, khách quan, chân thành, kín đáo, đáng tin cậy và trung thực.	x	x	
	Liêm chính, đặc biệt đối với hối lộ và tham nhũng.	x	x	

Phụ lục 4 – Giao nhận sản phẩm đạt chứng nhận ASC của Thành viên nhóm

(Có thể tải trên trang web của ASC, cho đến khi cơ sở dữ liệu trực tuyến hoàn thành)

Chứng nhận Nhóm ASC_Phụ lục 4 – Giao nhận sản phẩm đạt chứng nhận ASC của Thành viên nhóm

Tên của Chủ sở hữu Chứng nhận Nhóm:	
Mã chứng nhận:	
Địa chỉ của Ban Quản lý Nhóm (GMB):	
Người phụ trách bán sản phẩm:	
Chức danh trong GMB:	
Email:	Số điện thoại

Mỗi hàng là một đợt giao nhận sản phẩm của một điểm nuôi thuộc một Thành viên nhóm

#	Ngày GMB nhận hàng	Địa điểm nhận hàng/giao hàng	Số liệu vận chuyển			Số liệu trại nuôi			Số liệu thu hoạch					
			Phương tiện vận chuyển (N/A, xe tải/ xe tải lạnh, tàu/ thuyền, v.v.)	Mã vận chuyển	Bên chịu trách nhiệm vận chuyển (người mua, GMB, Thành viên nhóm)	Đã nhận sản phẩm đạt chứng nhận ASC của điểm nuôi	Mã giấy phép/ID của điểm nuôi	GPS của điểm nuôi (kinh độ và vĩ độ)	Ngày thu hoạch	Sản lượng (kg khối lượng sống, kích cỡ)	Số lượng (nếu có)	Kích cỡ sản phẩm	Mã số ao sản xuất	

Phụ lục 5 – Bán sản phẩm đạt chứng nhận ASC của Nhóm

(Có thể tải trên trang web của ASC, cho đến khi cơ sở dữ liệu trực tuyến hoàn thành)

Chứng nhận Nhóm ASC_Phụ lục 5 – Bán sản phẩm đạt chứng nhận ASC của Nhóm

Tên của Chủ sở hữu Chứng nhận Nhóm:	
Mã chứng nhận:	
Địa chỉ của Ban Quản lý Nhóm (GMB):	
Người phụ trách bán sản phẩm đạt chứng nhận ASC của Nhóm:	
Chức danh trong UoC:	
Email:	Số điện thoại:

							Thông tin về Thành viên nhóm				
#	Ngày giao hàng	Địa điểm giao hàng	Tên người mua/ công ty mua	Loại sản phẩm	Sản lượng (kg)	Kích cỡ	Sản phẩm của (tên Thành viên nhóm)	Sản phẩm được nuôi tại (tên của trại nuôi)	Kinh độ của trại nuôi	Vĩ độ của trại nuôi	Ngày thu hoạch

Phụ lục 6 – Hồ sơ Khiếu nại và Kháng cáo

(Có thể tải trên trang web của ASC, cho đến khi cơ sở dữ liệu trực tuyến hoàn thành)

Chứng nhận Nhóm ASC_Phụ lục 6 – Hồ sơ Khiếu nại và Kháng cáo

Tên của Chủ sở hữu Chứng nhận Nhóm:	
Mã chứng nhận:	
Địa chỉ của Ban Quản lý Nhóm (GMB):	
Người phụ trách xử lý khiếu nại và kháng cáo:	
Chức danh trong UoC:	
Email:	Số điện thoại:

#	Cá nhân/tổ chức khiếu nại/ kháng cáo	Ngày nhận	Cá nhân/tổ chức bị khiếu nại/ kháng cáo	Bên khiếu nại là UoC?	Mô tả ngắn gọn khiếu nại/ kháng cáo	Cách thức giải quyết	Ngày đề xuất cách thức giải quyết với người khiếu nại	Người khiếu nại có chấp nhận cách thức giải quyết không?	Ngày chấp nhận

Phụ lục 7 – Hợp đồng sản xuất⁷ giữa GMB và những Thành viên trong Nhóm⁸

Tài liệu quy chuẩn

Hợp đồng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp đồng phải được trình bày bằng ngôn ngữ chung của những bên tham gia trong hợp đồng.
- Hợp đồng phải được lập thành văn bản để có hiệu lực thi hành tại tòa án tại quốc gia, nơi mà những bên ký kết hoạt động.
- Hợp đồng phải ghi rõ tên của các bên trong hợp đồng, tên người ký, địa chỉ và thông tin liên lạc. Chữ ký trên bản sao phải rõ ràng.
- Hợp đồng phải ghi rõ ngày bắt đầu và ngày kết thúc hợp đồng.
- Hợp đồng phải ghi rõ vị trí địa lý của trại nuôi, bao gồm tổng diện tích sản xuất thuộc phạm vi hợp đồng.
- Hợp đồng phải ghi rõ sản phẩm cả về chất lượng và số lượng. Những định nghĩa về chất lượng phải được viết bằng các thuật ngữ mờ để tất cả các bên trong hợp đồng xác minh định nghĩa về chất lượng. Nếu hợp đồng bao gồm hạn ngạch (tối thiểu hoặc tối đa), hợp đồng cũng sẽ thiết lập các hậu quả của việc không đáp ứng hạn ngạch tối thiểu hoặc vượt quá hạn ngạch tối đa.
- Hợp đồng phải ghi rõ thời gian và cách thức giao sản phẩm.
- Hợp đồng phải ghi rõ giá hoặc công thức tính giá (bao gồm cả công thức điều chỉnh giá khi có biến động về chất lượng, số lượng hoặc thời gian giao hàng), nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán.
- Nếu một bên trong hợp đồng cung cấp tín dụng và/hoặc nguyên liệu đầu vào cho bên còn lại, thì hợp đồng phải ghi rõ các điều khoản nhận và cách định giá, đồng thời đảm bảo lãi suất không cao hơn lãi suất chung trên thị trường.
- Hợp đồng phải ghi rõ nghĩa vụ của các bên, biện pháp xử phạt hoặc hậu quả nếu vi phạm nghĩa vụ.
- Hợp đồng phải ghi rõ thỏa thuận về bảo hiểm, nếu không có thỏa thuận, thì ghi rõ không có thỏa thuận.
- Hợp đồng phải ghi rõ hậu quả nếu vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng: không giao sản phẩm và/hoặc không thanh toán sau khi nhận sản phẩm, sự kiện bất khả kháng (bên ký hợp đồng) hoặc phá sản (bên ký hợp đồng).
- Nếu điều kiện hợp đồng có thay đổi lớn, thì các bên trong hợp đồng phải được thông báo bằng văn bản và có quyền chấm dứt hợp đồng.
- Hợp đồng sẽ đề cập đến cơ chế giải quyết tranh chấp hoặc trọng tài viên để giải quyết tranh chấp mà bên ký kết có thể tiếp cận. Đây có thể là cơ quan chính phủ, cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức xã hội dân sự không có cổ phần trực tiếp trong kết quả của hợp đồng.
- Hợp đồng phải có điều khoản chấm dứt hợp đồng, thủ tục rà soát hợp đồng, thỏa thuận giám sát, trường hợp và điều kiện chuyển nhượng hợp đồng.

⁷ Xem định nghĩa “hợp đồng sản xuất” tại Phụ lục 1 – Giải thích từ ngữ liên quan đến Chứng nhận Nhóm.

⁸ Adapted from Appendix III Part A of the ASC Shrimp Standard version 1.0, 2014 that was based on FAO and GIZ guidance. Trích từ Phụ lục III Phần A Tiêu chuẩn tôm ASC phiên bản 1.0, 2014 (tiêu chuẩn được xây dựng theo hướng dẫn của FAO và GIZ).

Phụ lục 8 – Bán hàng Trực tiếp của Thành viên trong Nhóm

(Có thể tải trên trang web của ASC, cho đến khi cơ sở dữ liệu trực tuyến hoàn thành)

Chứng nhận Nhóm ASC – Hồ sơ Bán hàng Trực tiếp của Thành viên trong Nhóm

(Áp dụng với sản phẩm không đạt chứng nhận)

Tên Thành viên Nhóm:	
Địa chỉ:	
Email:	Số điện thoại:
Tên Chủ sở hữu Chứng nhận Nhóm:	
Mã chứng nhận:	

#	Ngày bán/ thu hoạch	Tên của người mua/ công ty mua	Sản lượng (kg)	Cỡ tôm	Từ trại nuôi (tên trại nuôi/ID)	Kinh độ của trại nuôi	Vĩ độ của trại nuôi	Mã số ao (mã/ID)	Ghi chú

Phụ lục F 1 – Mẫu. hồ sơ Kiểm tra Truy xuất nguồn gốc của Chứng nhận Nhóm ASC

Hướng dẫn

Hướng dẫn chung:

Kiểm tra truy xuất nguồn gốc là truy vết lô sản phẩm được bán dưới danh nghĩa chứng nhận nhóm (hoặc có sẵn để bán dưới danh nghĩa sản phẩm đạt chứng nhận) dựa trên hồ sơ của lô sản phẩm đó, theo yêu cầu của Phụ lục F4.9.3, CAR.

Khi truy vết, cần xác định được các giao dịch đã được thực hiện trong từng bước sản xuất, vận chuyển và lưu trữ, sao cho có thể truy ngược về lại đơn vị nuôi trồng ban đầu, thậm chí điểm sản xuất cụ thể (lồng/ lưới/ đăng, quầng/ ao/ bể/ mương/ dãy). Đánh giá viên phải xác minh hồ sơ truy xuất nguồn gốc có sẵn và đầy đủ để liên kết các giao dịch của các bước với nhau, hồ sơ phải đề cập sự tham gia của nhà thầu phụ hoặc đơn vị bên ngoài, nếu có.

Sản phẩm đạt chứng nhận phải được bán thông qua Ban Quản lý Nhóm (GMB). Thành viên nhóm có thể tự bán sản phẩm của mình, nhưng chỉ được bán dưới danh nghĩa sản phẩm không đạt chứng nhận.

Sản phẩm phải được sản xuất tại trại nuôi hợp lệ và đủ điều kiện chứng nhận. Nếu trại nuôi có lỗi nặng (major non-conformity), hoặc bị đình chỉ/thu hồi hiệu lực chứng nhận, thì sản phẩm của điểm nuôi không được bán dưới danh nghĩa sản phẩm đạt chứng nhận. Sản phẩm không được bán dưới danh nghĩa sản phẩm đạt chứng nhận nếu thuộc trường hợp loại trừ nêu tại Phụ lục F4.9.2, CAR.

Số lần kiểm tra và chọn mẫu:

Số lần kiểm tra phải chiếm ít nhất 5% tổng giao dịch bán* sản phẩm đạt chứng nhận ASC mà GMB thực hiện trong 12 tháng qua. Nếu 5% nhỏ hơn một (1), thì số lần kiểm tra bằng một. Một giao dịch là một lần bán sản phẩm đạt chứng nhận ASC và có hóa đơn.

Nếu nhà máy chế biến là chủ sở hữu Chứng nhận Nhóm, đảm nhận nhiệm vụ GMB, sắp xếp và ký hợp đồng phụ sản xuất nguyên liệu thô với vùng nuôi, thì giao dịch bán là giao dịch được thực hiện giữa đơn vị chế biến và từng Thành viên nhóm.

Nếu hợp tác xã hoặc hiệp hội nông dân là chủ sở hữu Chứng nhận Nhóm, đảm nhận nhiệm vụ ban quản lý hoặc điều hành Nhóm, và không phải là bên mua trực tiếp của Thành viên nhóm, thì giao dịch bán là giao dịch được thực hiện giữa ban quản lý/điều hành hợp tác xã và bên mua trực tiếp của hợp tác xã (Thí dụ: Nhà máy chế biến).

Đánh giá viên cần chọn mẫu mang tính đại diện cho loại hình GMB (hợp tác xã hoặc mô hình tích hợp theo chiều dọc), phạm vi loài nuôi hoặc sản phẩm, sản phẩm có sự tham gia của nhà thầu phụ, hoạt động diễn ra ngoài điểm nuôi, phương thức vận chuyển, điểm thu gom và nhân viên phụ trách. Mẫu được chọn phải phản ánh được hệ thống của tổ chức nói chung, cũng như tính hiệu quả của hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với tất cả loài nuôi và sản phẩm của UoC. Đánh giá viên chọn mẫu vào ngày đánh giá, cho dù là đó là cuộc đánh giá được báo trước hay đột xuất.

Ghi nhận kết quả:

Đánh giá viên là người điền kết quả, không phải chủ sở hữu chứng nhận. Bài kiểm tra truy xuất nguồn gốc phải được hoàn thành trước khi kết thúc đợt đánh giá Vui lòng sao chép phiếu kết quả trước khi điền, để điền kết quả của các bài kiểm tra khác.

Kiểm tra truy xuất nguồn gốc có thể nằm trong Phụ lục Bảo mật của báo cáo đánh giá, nghĩa là kết quả kiểm tra sẽ không được đăng tải công khai trên trang web của ASC. Tuy nhiên, CAB phải gửi kèm kết quả kiểm tra cho ASC khi nộp bản thảo báo cáo thanh tra. Báo cáo đánh giá cần có thêm phần mô tả ngắn gọn bài kiểm tra.

Đối với giao dịch được chọn để kiểm tra, có thông tin thu hoạch không?	Y/N		
		Mô tả/thông tin tài liệu	Diễn giải (mã tài liệu hoặc liên kết dẫn đến tài liệu)
Bài kiểm tra truy xuất nguồn gốc 1		<i>(insert photos of product if available)</i>	
Hóa đơn		Mã hóa đơn, ngày tạo, thông tin người mua, thông tin sản phẩm (lời nuôi, loại sản phẩm, kích cỡ, khối lượng, v.v.), đơn đặt hàng (nếu có), địa điểm/phương thức giao hàng	
Đơn đặt hàng của người ua (ví dụ: đơn vị chế biến)		Mã đơn đặt hàng, thông tin sản phẩm, khối lượng, ngày tháng, v.v.	
Lưu trữ sản phẩm		Địa điểm, ngày nhập kho/xuất kho, ID, khối lượng nhận, v.v.	
Vận chuyển sản phẩm		Phương thức vận chuyển, ngày, giờ, ID, khối lượng, tuyến đường vận chuyển, con dấu, người phụ trách, v.v.	
Thành viên nhóm		Tên Thành viên nhóm cung cấp sản phẩm	
Thu hoạch sản phẩm		Thông tin điểm sản xuất, gồm số lượng/khối lượng (kg), ngày giờ thu hoạch, ngày giờ xuất hàng, v.v.	
Giai đoạn nuôi thương phẩm		Ngày, giờ chuyển loài nuôi từ ao thả giống sang ao nuôi thương phẩm, tuổi loài nuôi, v.v.	
Giai đoạn thả giống		Thông tin điểm sản xuất, bao gồm ngày, kích cỡ, số lượng/khối lượng	
Nơi sản xuất		Tên chính xác, GPS, bản đồ	
Điểm sản xuất, ID của điểm sản xuất		Mã điểm sản xuất (bản đồ), kích thước (diện tích bề mặt m2, thể tích m3, đường kính, v.v.)	
<p>Liệt kê tất cả tài liệu cần được xem xét khi tiến hành kiểm tra truy xuất nguồn gốc. Liệt kê tất cả mã số để dễ theo dõi và phân biệt tài liệu.</p> <p>Bắt đầu từ giao dịch, chọn mã định danh giao dịch (ví dụ: ID và ngày giao dịch) cho vào mục A. Ở mục B, ghi thông tin của bước ngay trước giao dịch. Ở mục C, ghi thông tin của bước ngay trước mục B, v.v.</p> <p>Mục cuối cùng là điểm nuôi và điểm sản xuất cụ thể trong điểm nuôi.</p> <p>Tài liệu gồm hóa đơn bán hàng, phiếu gửi hàng, hồ sơ sản xuất, hồ sơ lưu trữ, hồ sơ nguyên liệu đầu vào, hồ sơ chuyển giao hàng giữa các điểm nuôi hoặc giữa các điểm sản xuất trong quá trình nuôi trồng, v.v.</p>	A)		
	B)		
	C)		
	D)		
	E)		
	F)		
	G)		
	I)		
	J)		
	<u>Mô tả bài kiểm tra</u>	K)	
Mô tả chung các điều kiện để kiểm tra tiếp lần sau. Mô tả cách ghi nhận dữ liệu: văn bản, thông tin điện tử, người phụ trách bài kiểm tra, v.v. và giải thích các trường hợp đặc biệt.			

